

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 20 – 11 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp con chung,
chia tài sản chung, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần;

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp con chung, chia tài sản chung, nợ chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX - PT ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: LTHG, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh K; địa chỉ: YB, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;*

Ngân hàng H1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S - Trưởng phòng giao dịch số 2 - Ngân hàng H1 - Chi nhánh Đắc Lắc; địa chỉ: HV, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắc Lắc (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị L .

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Xuân Đ đến với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến ngày 19/6/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân S1, sinh ngày 25/8/2011 và Nguyễn Khánh Quỳnh T, sinh ngày 08/3/2014, hiện các cháu đang sống cùng bà Trần Thị L.

Về tình cảm vợ chồng, lúc đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm và lối sống nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xung đột, bất hòa. Đến tháng 8/2019 vợ chồng đã quyết định sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà Trần Thị L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Bà Trần Thị L có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Xuân S1, sinh ngày 25/8/2011 và Nguyễn Khánh Quỳnh T, sinh ngày 08/3/2014 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Xuân Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được 02 khối tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 9, diện tích 17.808,4m², tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc, đến thời điểm hiện tại ước tính giá trị khoảng 600.000.000 đồng;

- Thửa đất nhận chuyển nhượng từ ông Trần V, bà Dương Thị T1 đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất, đất nông nghiệp ở khu dân cư (khu chợ E), có diện tích 6 x 22 mét và một ngôi nhà cấp 4. Giá trị khoảng 300.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay tiền Ngân hàng H1 - Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch số 2, thị trấn Q, huyện C số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra bà L có vay của mẹ bà L số tiền 50.000.000 đồng nhưng vì mẹ con nên không có giấy tờ, mục đích vay là để phục vụ nhu cầu gia đình và vay của Đại lý cà phê H2 ở thôn H, xã E, huyện C với số tiền 10.000.000 đồng (giấy nợ ghi trong sổ chủ đại lý).

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà L đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung ông Nguyễn Xuân Đ đồng ý với lời trình bày của bà Trần Thị L và không bổ sung gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng ông Nguyễn Xuân Đ thừa nhận lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm và lối sống, cuộc sống vợ chồng thiếu sự chia sẻ, cảm thông dẫn đến việc vợ chồng bất hòa và mâu thuẫn. Đỉnh điểm vào năm 2019 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông Đ đồng ý.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân Đ có nguyện vọng mỗi người nuôi một đứa, về nghĩa vụ cấp dưỡng không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 9 là tài sản có trước hôn nhân nên bà L không có quyền gì. Đối với thửa đất nhận chuyển nhượng từ ông Trần V, bà Dương Thị T1, đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất, đất nông nghiệp ở khu dân cư (khu chợ E) ông Đ đồng ý chia theo quy định.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng H1- Chi nhánh Đắk Lắk – phòng giao dịch số 2, thị trấn Q, huyện C số tiền 150.000.000 đồng, đề nghị giải quyết theo quy định.

**** Ông Nguyễn Thanh S là người đại diện của phòng giao dịch số 2- Ngân hàng H1 - Chi nhánh Đắk Lắk trình bày:***

Ngày 31/3/2003 phòng giao dịch số 2- Ngân hàng H1 - Chi nhánh Đắk Lắk giải quyết cho vay đối với ông Nguyễn Xuân Đ – Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, vay số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng vay TC50000258 ký ngày 31/3/2023. Mục đích vay là để đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu. Thời hạn vay 01

năm (đến ngày 31/3/2024), lãi suất vay 13,2%/năm, quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho món vay khách hàng đã thế chấp QSD đất số TC09/19 ngày 21/01/2019 được ký giữa đại diện phòng giao dịch số 2- Ngân hàng H1 - Chi nhánh Đắk Lắk với ông Nguyễn Xuân Đ, bà Trần Thị L. Đối với tài sản là QSD đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ 09, diện tích 17.808.4m², tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận QSD đất số BV 597635 do UBND huyện C cấp ngày 06/6/2015.

Tính đến ngày 21/4/2023 khách hàng còn nợ số tiền 151.139.200 đồng, để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc khách hàng giải quyết dứt điểm số nợ đối với Ngân hàng trước khi tiến hành các thủ tục pháp lý giải quyết ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Xuân Đ.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2023/HNGĐ-ST, ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 164, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 213, Điều 219, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L .

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân S1, sinh ngày 25/8/2011 và Nguyễn Khánh Quỳnh T, sinh ngày 08/3/2014 cho bà Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Giao cho ông Lê Xuân Đ được quyền quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 9, diện tích 17.808,4m², tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tạm giao thửa đất số 147, tờ bản đồ 62, nhận chuyển nhượng từ ông Trần V, bà Dương Thị T1 đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất, đất nông nghiệp ở khu dân cư (khu chợ E), có diện tích 6 x 22 mét và một ngôi nhà cấp 4.

- Ông Đ có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đủ điều kiện đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ 62.

- Ông Nguyễn Xuân Đ có trách nhiệm trả giá trị tài sản cho bà Trần Thị L số tiền 364.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị Lê có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng H1 mỗi người 77.278.000 đồng. Đồng thời tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 24/6/2023 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay TC50000258 ký ngày 31/3/2023 cho đến khi trả xong nợ.

Khi ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị L thanh toán xong nợ thì Ngân hàng H1 có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 597635 do UBND huyện C cấp ngày 06/6/2015.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng H1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp TC 09/9 ký ngày 21/01/2019 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 45, tờ bản đồ 09, diện tích 17.808.4m², tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch.

Về án phí chia tài sản chung: Bà Trần Thị L phải chịu 18.200.000 đồng án phí giá ngạch chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí số 60AA/2021/0008076 ngày 22/3/2022 tại chi cục thi hành án Dân

sự huyện C, bà L còn phải nộp 13.200.000 đồng; ông Nguyễn Xuân Đ phải chịu 30.320.000 đồng án phí giá ngạch chia tài sản.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chi phí đo đạc 4.800.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000 đồng. Tổng số tiền 10.800.000 đồng, mỗi bên chịu 1/2. Bà L đã nộp tạm ứng 10.800.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên ông Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho bà L 5.400.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2023 nguyên đơn bà Trần Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chia giá trị tài sản trên đất cho bà L là không đúng nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, bỏ sót quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Ngày 20/7/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số: 507/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và chấp nhận Quyết định kháng nghị số 507/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2023/HNGĐ-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk về phần chia tài sản chung và nợ chung và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện Cư M'Gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và Quyết định kháng nghị số 507/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thấy rằng:

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2023/HNGĐ-ST, ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar có những vi phạm như sau:

- Về chia tài sản chung: Tại Biên bản định giá tài sản ngày 16/12/2022 của Hội đồng định giá xác định:

Đối với thửa đất số 45: Tài sản trên đất gồm 99 trụ tiêu có trị giá là 44.257.500 đồng, 103 cây gỗ tẻ có trị giá 9.146.000 đồng, 01 giếng khoan có trị giá 91.080.000 đồng, tổng trị giá tài sản trên đất là 144.483.500 đồng. Giá trị thửa đất số 45, diện tích 17.887,8m² là 715.512.000 đồng.

Đối với thửa đất số 147: Tài sản trên đất gồm nhà, sân, hàng rào có giá trị 138.000.000 đồng, thửa đất có giá trị 300.000.000 đồng.

Án sơ thẩm Giao cho ông Lê Xuân Đ được quyền quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 9, diện tích 17.808,4m², tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tạm giao cho ông Lê Xuân Đ thửa đất số 147, tờ bản đồ 62, nhận chuyển nhượng từ ông Trần V, bà Dương Thị T1 đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất, đất nông nghiệp ở khu dân cư (khu chợ E), có diện tích 6 x 22 mét và một ngôi nhà cấp 4. Buộc ông Lê Xuân Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị L 364.000.000 đồng gồm 30% giá trị thửa đất số 45 và 50% giá trị thửa đất số 147 mà không chia giá trị tài sản trên đất của 02 thửa đất nêu trên cho bà L là không đúng quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

- Về nợ chung:

Đối với khoản nợ của ngân hàng: Án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị Lê có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng H1 mỗi người 77.278.000 đồng. Đồng thời tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 24/6/2023 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay TC50000258 ký ngày 31/3/2023 cho đến

khi trả xong nợ. Trường hợp ông Đ bà L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp ngày 21/9/2019 là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện. Bởi lẽ, theo hợp đồng vay tiền ngày 31/3/2023 thì thời hạn vay đến ngày 31/3/2024 nên tại thời điểm này thì ông Đ, bà L chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà L trả nợ cho ngân hàng trước khi giải quyết ly hôn, nhưng không có yêu cầu độc lập đối với khoản vay và xử lý tài sản thế chấp. Do vậy, Tòa án chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, bà L đối với ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ không xem xét việc xử lý tài sản thế chấp.

- Về án phí: Án sơ thẩm buộc bà L phải chịu 18.200.000 đồng, ông Đ phải chịu 30.320.000 đồng án phí chia tài sản mà không buộc ông Đ, bà L phải chịu án phí đối với khoản nợ của ngân hàng là thiếu sót.

- Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ một cách toàn diện, khách quan, chưa xem xét đầy đủ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn, bỏ sót tài sản khi chia, về công nợ giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện, sai sót về phần án phí, cấp phúc thẩm xem xét là tước đi quyền kháng cáo của đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và Quyết định kháng nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung và nợ chung. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy một phần Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 164, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 213, Điều 219, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L và chấp nhận Quyết định kháng nghị số 507/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Huỷ một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2023/HNGĐ-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk về phần chia tài sản chung và nợ chung và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện Cư M'Gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L .

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân S1, sinh ngày 25/8/2011 và Nguyễn Khánh Quỳnh T, sinh ngày 08/3/2014 cho bà Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0008076, ngày 22/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Về án phí chia tài sản chung, nợ chung, chi phí tố tụng sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3.3] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0014448 ngày 18/07/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng